

Số *
-KH/ĐU

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của
Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã Bù Đăng

Thực hiện Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” (gọi tắt là Nghị quyết 57 – NQ/TW) trên địa bàn tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy xã Bù Đăng ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW, bảo đảm toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị trong xã nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gắn với sự phát triển của xã trong kỷ nguyên mới; cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 193/2025/QH15 của Quốc hội thành các mục tiêu, quy hoạch, chiến lược, đề án, dự án cụ thể, phù hợp với điều kiện của xã. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu thực hiện; tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong thực hiện.

- Thống nhất nhận thức, tạo quyết tâm chính trị cao, giúp cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và Nhân dân nhận thức đúng đắn, đầy đủ, tạo sự đồng thuận cao trong triển khai thực hiện; khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo ở mọi cấp, mọi ngành, các tầng lớp nhân dân, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

- Tạo bước chuyển mạnh mẽ về hạ tầng số, nhân lực số, hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; từng bước xây dựng chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số trên địa bàn xã.

- Quán triệt, thực hiện tốt Kế hoạch hành động nhằm góp phần thiết thực vào hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương; nâng cao chất lượng cuộc sống, hạnh phúc của Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường quốc phòng - an ninh.

2. Yêu cầu

- Bám sát, đồng bộ và thể hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải

pháp, tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội và các quy định, hướng dẫn của Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Các chỉ tiêu phải gắn với thời hạn thực hiện (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn); phân công cụ thể đơn vị đầu mối chủ trì và đơn vị phối hợp, bảo đảm “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian và kết quả”, đồng bộ, khả thi, hiệu quả. Phân bổ nguồn lực (nhân lực, tài chính, vật lực) phù hợp với từng nhiệm vụ, tránh dàn trải, lãng phí.

- Tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả, báo cáo kịp thời; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết định kỳ. Quy định rõ cơ chế kiểm tra, giám sát của cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; coi trọng vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; kịp thời báo cáo, kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết đề đề ra các giải pháp hiệu quả, tháo gỡ các điểm nghẽn, tạo chuyển biến, đạt được các mục tiêu, yêu cầu của Kế hoạch đã đề ra.

- Kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài; vừa giải quyết những yêu cầu cấp bách (cải cách hành chính, xây dựng hạ tầng số, nâng cao chất lượng dịch vụ công,...) vừa có tầm nhìn dài hạn (đến năm 2030, 2035, 2040, 2045) trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tầm nhìn đến năm 2050 và các chương trình, đề án phát triển các ngành, lĩnh vực, bảo đảm tính đồng bộ, phát triển bứt phá, toàn diện, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới, phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tình hình cụ thể của xã.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận và phát huy tính sáng tạo của toàn xã hội; phổ biến rộng rãi mục tiêu, lộ trình, cách làm; khuyến khích Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ trí thức tham gia, đóng góp sáng kiến, nguồn lực; xây dựng phong trào thi đua nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; kịp thời biểu dương, khen thưởng các điển hình tiêu biểu.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực thúc đẩy phát triển các nền tảng công nghệ số, nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn xã; tận dụng, huy động tối đa nguồn lực xã hội hóa phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

Xác định khoa học và công nghệ là nền tảng, đổi mới sáng tạo là động lực cốt lõi và chuyển đổi số là công cụ quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của xã, hướng tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế 2 con số. Tháo gỡ những điểm nghẽn, rào cản về thể chế để Nghị quyết số 57-NQ/TW và Quyết định số 204-QĐ/TW đi vào thực tiễn cuộc sống.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả,

đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến hết năm 2025

2.1.1. Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 4G trên địa bàn đạt 100%; tỷ lệ phủ sóng 5G đạt $\geq 30\%$.
- Có $\geq 30\%$ người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.

2.1.2. Phát triển nguồn lực

- 100% cán bộ, công chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản.
- 80% cán bộ, công chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 50% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

2.1.3. Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số của xã thuộc nhóm trung bình cao của tỉnh.
- Có $\geq 70\%$ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.
- Có 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- Có 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- Có $\geq 70\%$ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- Có $\geq 80\%$ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có $\geq 50\%$ cơ sở dữ liệu của địa phương được số hóa và liên thông với tỉnh, Trung ương.
- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 90\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).
- Có 100% các cơ quan, đơn vị thuộc Đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.

2.2. Đến hết năm 2030

2.2.1. Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G đạt $\geq 100\%$.
- Có 100% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.

2.2.2. Phát triển nguồn lực

- 100% cán bộ, công chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản.
- 100% cán bộ, công chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

2.2.3. Phát triển khoa học công nghệ

- Mỗi năm có ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh được triển khai.

2.2.4. Phát triển chuyển đổi số

- Phân đầu chỉ số chuyển đổi số của xã thuộc nhóm trung bình cao của tỉnh.
- Có 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.
- Có 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- Có 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- Có 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- Có 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 80\%$ cơ sở dữ liệu của địa phương được số hóa và liên thông với tỉnh, Trung ương.
- Có $\geq 60\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 95\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).
- Tỷ lệ người dân có chữ ký số $\geq 10\%$.
- Có 100% các cơ quan, đơn vị thuộc Đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Có $\geq 80\%$ giao dịch không dùng tiền mặt.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.

2.3. Đến hết năm 2035

2.3.1. Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 50%.

2.3.2. Phát triển nguồn lực

- 100% cán bộ, công chức được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 100% cán bộ, công chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- Có $\geq 95\%$ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

2.3.3. Phát triển khoa học công nghệ

- Mỗi năm có ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh được triển khai.

2.3.4. Phát triển chuyển đổi số

- Phân đầu chỉ số chuyển đổi số của xã thuộc nhóm cao của tỉnh.
- Có 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.
- Có 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- Có 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- Có 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- Có 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có 100% cơ sở dữ liệu của địa phương được số hóa và liên thông với tỉnh, Trung ương.
- Có $\geq 85\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có 100% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).
- Tỷ lệ người dân có chữ ký số $\geq 20\%$.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.

2.4. Đến hết năm 2040

2.4.1. Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn xã đạt 80%.

2.4.2. Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 97\%$ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- 80% - 90% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số, ...).

2.4.2. Phát triển khoa học công nghệ

- Mỗi năm có ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh được triển khai.

2.4.4. Phát triển chuyển đổi số

- Phân đầu chỉ số chuyển đổi số của xã thuộc nhóm cao của tỉnh.
- Có 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có $\geq 100\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có 100% cơ sở dữ liệu của địa phương được số hóa và liên thông với tỉnh, Trung ương.
- Có $\geq 95\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có 100% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).
- Tỷ lệ người dân có chữ ký số $\geq 30\%$.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.

2.5. Đến hết năm 2045

2.5.1. Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%.

2.5.2. Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 99\%$ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- Có $\geq 90\%$ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số, ...).

2.5.3. Phát triển khoa học công nghệ

- Mỗi năm có ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp xã được triển khai.

2.5.4. Phát triển chuyển đổi số

- Phân đầu chỉ số chuyển đổi số của xã thuộc nhóm cao của tỉnh.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- 100% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- 100% cơ sở dữ liệu của địa phương được số hóa và liên thông với tỉnh.
- 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).

- Tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt $\geq 40\%$.
- Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công.
- 100% Đảng ủy, chính quyền sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất. Các hệ thống đảng số, chính quyền số vận hành hoàn toàn thông minh.
- Vận hành quản lý đô thị dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh.
- Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích.
- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức cao, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong toàn xã phải quán triệt sâu sắc, đầy đủ tầm quan trọng chiến lược của việc đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW. Xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, cấp bách, là động lực then chốt để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã. Nâng cao vai trò, trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.
- Quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật, công nghệ tham gia cấp ủy các cấp, đặc biệt là tại các ngành, lĩnh vực và địa bàn trọng yếu.
- Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tiễn, khẩn trương xây dựng, ban hành các kế hoạch, chương trình, đề án cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; phân công rõ trách nhiệm chủ trì, phối hợp của từng cơ quan, đơn vị; xác định lộ trình thực hiện và nguồn đảm bảo. Trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực của xã, các cơ quan, đơn vị phải lồng ghép chặt chẽ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, coi đây là yếu tố cốt lõi, xuyên suốt.
- Tăng cường phối hợp, đề cao trách nhiệm và kỷ luật, kỷ cương, thiết lập và vận hành hiệu quả cơ chế phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết và Kế hoạch này. Tăng cường sự vào cuộc chủ động, tích cực của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ

chức chính trị - xã hội. Giao trách nhiệm cụ thể, rõ ràng gắn với lộ trình và kết quả thực hiện cho từng đơn vị, người đứng đầu. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc; kịp thời biểu dương, khen thưởng những nơi làm tốt, đồng thời xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân thiếu trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ.

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông

- Tổ chức học tập, quán triệt, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động; các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã xây dựng kế hoạch và tổ chức nghiêm túc, bài bản việc học tập, quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch này trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Nội dung quán triệt cần tập trung phân tích sâu sắc những vấn đề cốt lõi, những điểm mới, đột phá của Nghị quyết, làm rõ cơ hội, thách thức và yêu cầu đặt ra đối với xã; liên hệ chặt chẽ với thực tiễn, chức năng, nhiệm vụ của xã, từng cơ quan, đơn vị. Đổi mới mạnh mẽ phương thức học tập, quán triệt theo hướng thiết thực, hiệu quả; kết hợp linh hoạt các hình thức: hội nghị (trực tiếp, trực tuyến), sinh hoạt chuyên đề, tọa đàm, hội thảo, tập huấn nghiệp vụ. Tuyên truyền rộng rãi đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã và các tầng lớp Nhân dân bằng các hình thức phù hợp.

- Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và cán bộ, đảng viên. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện về kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW và Kế hoạch này tại cơ quan, đơn vị mình phụ trách.

- Đẩy mạnh và đổi mới toàn diện công tác thông tin, truyền thông. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông, tận dụng tối đa ưu thế của công nghệ số, mạng xã hội để lan tỏa thông tin tích cực. Phát động sâu rộng phong trào thi đua “học tập số”, “công dân số”, phổ cập, nâng cao kiến thức, kỹ năng số, kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp Nhân dân. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò cầu nối, tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân hưởng ứng tham gia; lồng ghép hiệu quả với các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới”, phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Thường xuyên tổ chức các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng với các tập thể, cá nhân, các nhà khoa học, chuyên gia, doanh nghiệp có thành tích tiêu biểu, xuất sắc và có sự đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã.

- Xây dựng văn hóa số, đạo đức công vụ và đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số, ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả Bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên địa bàn xã. Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng, tuyên truyền về văn hóa ứng xử văn minh, kỹ năng số an toàn, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp trong kỷ nguyên số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

3. Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá, bảo đảm nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tiếp cận các nguồn lực đất đai, vốn, nhân lực.

- Cấp ủy, chính quyền xã quán triệt và bảo đảm bố trí đủ nguồn lực để triển khai thực hiện thắng lợi Kế hoạch này. Rà soát, cơ cấu lại ngân sách, đảm bảo tăng tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hàng năm đúng theo quy định và mục tiêu đề ra.

4. Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng và dịch vụ số đồng bộ, hiện đại, an toàn

- Đưa toàn bộ hoạt động quản lý, điều hành lên môi trường số, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch. Thực hiện triệt để việc chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc trực tuyến, dựa trên dữ liệu số để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý.

- Thúc đẩy mạnh mẽ việc ứng dụng công nghệ số, công nghệ cao vào phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn.

5. Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng dụng nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới

- Tiếp tục tập trung triển khai các nội dung nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 45- NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực để tự chủ về công nghệ.

- Cụ thể hóa, triển khai sâu rộng, thực chất các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, người dân và doanh nghiệp, hình thành công dân số, xã hội học tập.

6. Xây dựng và triển khai Chiến lược chuyển đổi số toàn diện, phát triển mạnh mẽ kinh tế số, xã hội số

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong cơ quan Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã, tiến tới lãnh đạo, điều hành hoàn toàn trên môi trường số; triển khai số hóa và xây dựng kho dữ liệu để làm cơ sở xây dựng trung tâm giám sát, điều hành thông minh tập trung của xã. Mỗi cơ quan, đơn vị phải đảm bảo bộ dữ liệu của mình “đúng, đủ, sạch, sống”.

- Chính quyền số hướng tới chủ động phục vụ người dân, doanh nghiệp, tổ chức hoàn toàn trên môi trường số; thực hiện cung cấp dịch vụ công phi địa giới, toàn trình, cá nhân hóa vào dữ liệu.

- Đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo trong các cơ quan hệ thống chính trị để cải cách thủ tục hành chính, tối ưu hóa quy trình, cải cách phương thức quản lý, tăng năng suất và hiệu quả. Xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện, hiệu quả. Đẩy mạnh ứng dụng định danh, xác thực điện tử (VNeID), chữ ký số.

- Triển khai hiệu quả các chương trình, đề án cụ thể nhằm hỗ trợ mạnh mẽ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng hiệu quả các giải pháp số (quản trị doanh nghiệp, quản lý sản xuất, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt...).

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua các nền tảng số toàn cầu.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu số cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của xã. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc (mã QR, Blockchain...) IoT trong sản xuất, chế biến nông sản, hàng hóa.

7. Bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và chủ quyền số quốc gia trên địa bàn xã

- Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị phải thường xuyên quán triệt và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Xây dựng đội ngũ phụ trách công nghệ thông tin đủ mạnh thực hiện tốt công tác giám sát, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng kịp thời hiệu quả. Quan tâm công tác diễn tập ứng phó sự cố theo các cấp độ, bảo đảm sẵn sàng xử lý kịp thời, hiệu quả mọi tình huống.

- Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, chia sẻ thông tin kịp thời với các cơ quan chức năng của tỉnh trong công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Thực hiện nghiêm túc việc giám sát, đánh giá định kỳ mức độ bảo đảm an toàn, an ninh của các hệ thống thông tin quan trọng. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn nghiên cứu, phát triển, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng chất lượng cao. Ưu tiên triển khai sử dụng các giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin mạng do Việt Nam làm chủ công nghệ.

8. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá; đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, tạo đồng thuận xã hội

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch này, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với thực tiễn.

- Công khai, minh bạch thông tin về chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, kết quả của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo xã

- Chỉ đạo chung: Lãnh đạo, điều hành thống nhất các tổ chức, cơ quan, đơn vị triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW và Quyết định số 204-QĐ/TW; ban hành các chiến lược, đơn đốc, phối hợp các cơ quan, đơn vị để bảo đảm tiến độ, chất lượng thực hiện Kế hoạch này.

- Tham mưu cho Ban Thường vụ Đảng ủy xã: Kịp thời đề xuất, tham mưu về chính sách, giải pháp thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khi có khó khăn, vướng mắc; báo cáo tiến độ định kỳ hoặc đột xuất.

- Kiểm tra, giám sát, đơn đốc: Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát hàng năm hoặc đột xuất tại cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; chỉ đạo xử lý kịp thời những sai sót, chậm trễ.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết: Hướng dẫn, tổng hợp, đánh giá kết quả sau mỗi giai đoạn (3 tháng, 6 tháng, 1 năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ), báo cáo Ban Thường vụ và Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Tỉnh khi có yêu cầu.

2. Các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy

- Văn phòng Đảng ủy: phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND xã trong việc tổng hợp, theo dõi, kiểm tra tiến độ, báo cáo Ban Chỉ đạo và theo quy chế làm việc của Đảng ủy.

- Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy: Tham mưu, đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cho chủ trương bố trí phù hợp đối với cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý tham gia vào cấp ủy. Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan đảng, nhất là chính sách trọng dụng cán bộ có trình độ, năng lực khoa học, kỹ thuật, công nghệ để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo. Tuyên truyền sâu rộng nghị quyết 57-NQ/TW trên trang nội bộ, báo chí, mạng xã hội.

- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy: Phối hợp với cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, phát hiện và xử lý vi phạm, báo cáo Thường trực Đảng ủy.

3. Đảng ủy UBND xã lãnh đạo, chỉ đạo UBND xã

- Căn cứ Kế hoạch của Đảng ủy, các chiến lược phát triển của Ban chỉ đạo, chỉ đạo các đơn vị chức năng xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, xây dựng các đề án, dự án triển khai cụ thể về: phát triển hạ tầng số, dữ liệu số; chuyển đổi số cho doanh nghiệp, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục... phát triển khoa học, công

nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phân kỳ thực hiện (theo năm, giai đoạn 5 năm), phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo về những giải pháp phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc; xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết: Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo và Thường trực Đảng ủy về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch này nếu thấy cần thiết.

4. Trách nhiệm của Đảng ủy các cơ quan Đảng xã: Lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội:

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết 57-NQ/TW.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện (phản ánh những khó khăn, bất cập lên Ban Chỉ đạo xã).

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội,... phối hợp với doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho các đối tượng có nhu cầu.

5. Trách nhiệm của cơ quan Thường trực

Phòng Văn hóa - Xã hội là cơ quan Thường trực có trách nhiệm:

- Giúp Ban Chỉ đạo điều phối, xử lý, giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình chỉ đạo thực hiện; triển khai các công việc thường xuyên của Ban Chỉ đạo.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, đề xuất kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo; chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu họp Ban Chỉ đạo; Ghi biên bản, dự thảo kết luận cuộc họp của Ban Chỉ đạo. Trực tiếp chỉ đạo, điều hành Tổ giúp việc Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Thông tin, báo cáo định kỳ: Các cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban nhân dân, Mặt trận, đoàn thể định kỳ hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này gửi về Ban Chỉ đạo; Ban Chỉ đạo tổng hợp, báo cáo Thường trực Đảng ủy, đồng thời gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy và cập nhật vào hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Trung ương.

- Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết: Hàng năm, Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra tại một số đơn vị trọng điểm. Hàng năm, Ban Chỉ đạo phối hợp với các Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; có thể điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ nếu cần. Giữa và cuối nhiệm kỳ hoặc theo chu kỳ 2,5 năm, tổ chức sơ kết, tổng kết theo giai đoạn; biểu dương khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

7. Kinh phí thực hiện và nguồn lực hỗ trợ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách (chi cho hoạt động khoa học - công nghệ, phát triển chuyển đổi số) và nguồn xã hội hóa (đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân).

Trên đây là Kế hoạch của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Bù Đăng về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo tỉnh,
- Văn phòng Tỉnh ủy,
- Sở Khoa học và Công nghệ,
- Các đồng chí UV BCH Đảng bộ xã,
- HĐND xã, UBND xã,
- Các cơ quan TMGV Đảng ủy,
- MTTQVN và các tổ chức CT-XH,
- Các thành viên BCĐ xã,
- Các phòng, ban, ngành xã,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Lưu VPĐU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Vũ Lương